

Số: 368/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 04 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt - (đoạn phía đường Thăng Lợi) - (nằm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công) - Khu B (hộ bà Phạm Thị Nga)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP quy định và hướng dẫn Nghị quyết số 254/2025/QH15 về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc Thông báo giá gạo tẻ Tháng 06 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) – (nằm trong khu trung tâm hành chính Sông Công) – Khu B;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) – (nằm trong khu trung tâm hành chính Sông Công) – khu B;

Căn cứ Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND thành phố Sông Công Quyết định phê duyệt dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) – (nằm trong khu TTHC Sông Công) – Khu B;

Thực hiện Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án: Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) – (nằm trong khu trung tâm hành chính Sông Công) – Khu B;

Thực hiện nội dung Thông báo số 390/TB-UBND ngày 12/11/2024 của UBND thành phố Sông Công về việc Thông báo Thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) – (nằm trong khu trung tâm hành chính Sông Công) – Khu B;

Thực hiện nội dung Thông báo số 144/TB-UBND ngày 12/11/2025 của UBND thành phố Sông Công về việc Thông báo Thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thăng Lợi) – (nằm trong khu trung tâm hành chính Sông Công) – Khu B;

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ



chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (đoạn phía đường Thắng Lợi) – (nằm trong QH khu trung tâm hành chính Sông Công) – Khu B (hộ bà Phạm Thị Nga), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của **01** hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thực hiện dự án Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt – (đoạn phía đường Thắng Lợi) – (nằm trong khu trung tâm hành chính Sông Công) – Khu B (hộ bà Phạm Thị Nga), cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi **219,9m²** đất nông nghiệp của **01** hộ gia đình, cá nhân.

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 735.515.100 đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm mười lăm nghìn, một trăm đồng).

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:	17.592.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản cây cối:	62.229.600 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	16.884.000 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	52.776.000 đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh:	2.199.000 đồng;
- Thưởng bàn giao MB đất nông nghiệp:	1.099.500 đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao cùng thửa đất ở:	582.735.000 đồng;
TỔNG CỘNG:	735.515.100 đồng

Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hiện nay, **01** hộ gia đình, cá nhân không đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

d) Phương án bố trí tái định cư: Không có

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

QUY
NHÂN
NG TÁ
ÊN QUÝ
VỤC I
+ N

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND phường phê duyệt phương án BT, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:
Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (*Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 02 phương án chi tiết dưới đây*).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;
(*Có phụ lục chi tiết kèm theo*)

II. Địa điểm niêm yết, công khai PABT:

Tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Sông Công; Trung tâm phục vụ hành chính công trụ sở UBND phường Sông Công (nhờ UBND Phường Sông Công đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND Phường Sông Công), tại TDP 8 nơi có đất thu hồi.

III. Thời gian niêm yết, công khai: Từ ngày **04/06/2026** đến hết ngày **15/06/2026**.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II (*Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này*).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày **04/06/2026** đến hết ngày **15/06/2026**.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II sẽ phối hợp với UBND phường Sông Công tổ chức họp trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi thu hồi dự án theo đúng quy định của Luật Đất đai 2024 (*Có giấy mời cụ thể gửi tới từng hộ gia đình cá nhân*). Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm PTQĐ khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

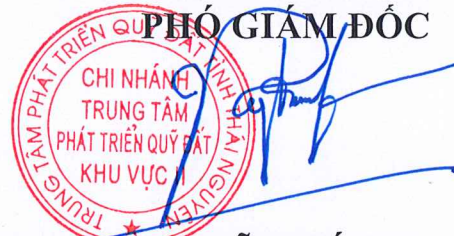
Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Sông Công; và tổ dân phố TDP 8, phường Sông Công; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Sông Công; và tổ dân phố TDP 8, Tân Lập phường Sông Công; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Công;
- Ủy ban MTTQ phường Sông Công;
- Trung tâm Phục vụ HCC phường Sông Công;
- TDP 8 phường Sông Công;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, Nhamntl.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Anh

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DƯ ÁN: KHU ĐO THỊ ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT (ĐOẠN PHÍA ĐƯỜNG THẮNG LỢI) - (NẪM TRONG KHU TRUNG TÂM HÀNH
CHÍNH SÔNG CÔNG) - KHU B (HỌ BÀ PHẠM THỊ NGA)



Phương án lấy ý kiến nhân dân - Kèm theo Thông báo số 368/Tr -CNTTPTQĐ ngày 04/05/2026 của Chi nhánh TTPTQĐ khu vực II

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m2)	Diện tích thực tế (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8,0)	(9,0)	(10)	(11)	(12)
1	Phạm Thị Nga (CCCD: 019178002357)	HTĐT	TDP Xuân Thành, phường Sông Công			873,0	844,7	219,9			
		HTĐT		189	4	873,0	844,7	219,9	CLN	1	Có GCN QSD đất (thu hồi một phần)
TỔNG CỘNG:						873,0	844,7	219,9			

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: KHU ĐO THỊ ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT (ĐOẠN PHÍA ĐƯỜNG THẮNG LỢI) - (Nằm trong Khu Trung Tâm Hành Chính Sông Công) - Khu B (Họ Bà Phạm Thị Nga)

Phương án lấy ý kiến nhân dân - Kèm theo Thông báo số 368/Tr -CNTTPTQĐ ngày 04/05/2026 của Chi nhánh TTPTQĐ khu vực II

ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất										Tổng Cộng
					Bồi thường cây hằng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	14	15	16	17=16+15+14+13+...+5	
1	Phạm Thị Nga (CCCD: 019178002357)	TDP Xuân Thành, phường Sông Công	219,9	17.592.000	-	62.229.600	16.884.000	52.776.000	-	-	-	2.199.000	582.735.000	-	1.099.500	735.515.100	
A	TỔNG CỘNG:		219,9	17.592.000,0	-	62.229.600,0	16.884.000,0	52.776.000,0	-	-	-	2.199.000,0	582.735.000,0	-	1.099.500,0	735.515.100,0	

2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BỒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ỒN HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN



DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT (ĐOẠN PHÍA ĐƯỜNG THẮNG LỢI) - (NẪM TRONG KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH SÔNG CÔNG) - KHU B (HỌ BÀ PHẠM THỊ NGA)

Phương án lấy ý kiến nhân dân - Kèm theo Thông báo số 368/Tr-CNTTPTQĐ ngày 04/05/2026 của Chi nhánh TTPTQĐ khu vực II

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Mảnh bản đồ trích lục	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thường BGMB (Chi được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)
										Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
-1	-2	-3	4	5	6	7	8	9	10	11	(12)=(8x11)	13	(14)=(8x13)	15	(16)=(8x15)	17	(18)=(8x17)	19	(20)=(8x19)	21	(22)=21*8	(21)=(12+14+16+18+20)
1	Phạm Thị Nga (CCCD: 019178002357)	HTĐT				844,7	219,9				17.592.000			52.776.000		2.199.000		1.099.500			582.735.000	656.401.500
		HTĐT	189	4		844,7	219,9	CLN	1	80.000	17.592.000			240.000	52.776.000	10.000	2.199.000	5.000	1.099.500	2.650.000	582.735.000	656.401.500
TỔNG CỘNG:						844,7	219,9				17.592.000,0		-	-	52.776.000,0	-	2.199.000,0	-	1.099.500,0	-	582.735.000,0	656.401.500,0

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT (ĐOẠN PHÍA ĐƯỜNG THẮNG LỢI) - (NẪM TRONG KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH SÔNG CÔNG) - KHU B (HỘ BÀ PHẠM THỊ NGÀ)



Phương án lấy ý kiến nhân dân - Kèm theo Thông báo số 368/Tr -CNTTPTQĐ ngày 04/05/2026 của Chi nhánh TTPTQĐ khu vực II

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
1	Phạm Thị Nga (CCCD: 019178002357)	TDP Xuân Thành, phường Sông Công	219,9	TH dưới 30%		5	6	562.800	16.884.000		0,0%			500.000	-	16.884.000	
TỔNG CỘNG:									16.884.000,0						-	16.884.000,0	-

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT (ĐOẠN PHÍA ĐƯỜNG THẮNG LỢI)- NẪM TRONG KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH SÔNG CÔNG -KHU B



(Phương án kèm Thông báo số /TB-CNTTPTQĐ ngày tháng năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

SỐ HỌ	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT	ĐV	CẤP HẠNG, CHỦNG LOẠI	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	GIÁ TRỊ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH		
									TỔNG (Tính theo khối lượng)	ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THEO QUY ĐỊNH	KHÔNG ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THEO QUY ĐỊNH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6x7x8	(10)=11+12	(11)	(12)
	PHẠM THỊ NGÀ				-6,00						
1	Chuồng gà						100%		59.131.200	59.131.200	0
	Mái lợp Fibro	Lợp mái bằng fibrô xi măng, xà gỗ gỗ mỡ	m2	9*2,7	24,30	241.000	100%	5.856.300			
	Nền láng xi măng	Láng nền sàn có đánh màu dày 2cm VXM M75	m2	9*4	36,00	52.000	100%	1.872.000			
	Cửa khung thép tròn sen hoa sắt	Cửa sắt khung bằng ống thép mạ D=42-48mm, nan cửa bằng sen hoa thép vuông 12x12mm, khoảng cách ô 100x150mm, không bịt tôn	m2	4,6*1,8	8,28	1.019.000	100%	8.437.300			
	Lưới B40	Hàng rào lưới thép B40, cọc tre, nửa, cọc gỗ nhỏ thân tạp (hoàn thiện)	m2	5*1	5,00	69.800	100%	349.000			
	Cửa gỗ ván ghép	Cửa ván ghép	m2	0,7*1,8	1,26	303.000	100%	381.800			
	Tường xây gạch chỉ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	(1,5+0,8)*0,11*1,8	0,46	1.755.000	100%	799.200			
		Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	6,6*0,11*1,8	1,31	1.755.000	100%	2.293.400			
	Móng xây gạch chỉ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(1,5+0,8+6,6)*0,22*0,35	0,69	1.473.000	100%	1.009.400			
		Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(1,5+0,8+6,6)*0,33*0,21	0,62	1.473.000	100%	908.500			
		Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(1,5+0,8+6,6)*0,45*0,14	0,56	1.419.000	100%	795.600			
	Đào móng	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(1,5+0,8+6,6)*0,5*0,5	2,23	111.000	100%	247.000			
	Đắp móng	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(1,5+0,8+6,6)*0,5*0,5/3	0,74	98.000	100%	72.700			
	Trụ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	0,22*0,22*1,8*3	0,26	1.560.000	100%	407.700			



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	-6,00	(7)	(8)	(9)=6x7x8	(10)=11+12	(11)	(12)
	Tường rào xây gạch chỉ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50	m3	9,6*0,1*1,9	1,82	1.755.000	100%	3.201.100			
	Nền láng xi măng	Láng nền san có đánh màu dày 2cm VXM M75	m2	9,6*2	19,20	52.000	100%	998.400			
	Mái Fibro	Lợp mái bằng fibrô xi măng, xà gỗ gỗ mỡ	m2	10*2,7	27,00	241.000	100%	6.507.000			
	Cột bê tông cốt thép	Cột BTCT có kích thước mặt cắt < 0,09 m2 (Hoàn thiện)	md	2*5	10,00	548.000	100%	5.480.000			
	Móng xây gạch không nung	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75	m3	9,6*0,2*0,4	0,77	1.473.000	100%	1.131.300			
		Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75	m3	9,6*0,3*0,2	0,58	1.473.000	100%	848.400			
	Đào móng	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	9,6*0,4*0,5	1,92	111.000	100%	213.100			
	Đắp móng	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	9,6*0,4*0,5/3	0,64	98.000	100%	62.700			
	Hàng rào xây gạch chỉ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50	m3	17*0,11*1,8	3,37	1.755.000	100%	5.907.300			
	Móng xây gạch chỉ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		17*0,22*0,28	1,05	1.473.000	100%	1.542.500			
	Móng xây gạch chỉ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		17*0,33*0,21	1,18	1.473.000	100%	1.735.300			
	Đào móng	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu		17*0,4*0,5	3,40	111.000	100%	377.400			
	Đắp móng	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu		17*0,4*0,5/3	1,13	98.000	100%	111.100			
	Trụ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		0,22*0,22*1,8*5	0,44	1.560.000	100%	679.500			
	Rãnh xây gạch chỉ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		22*0,11*0,21*2	1,02	1.755.000	100%	1.783.800			
	Đáy lát gạch chi	Lát gạch chi VXM M75		22*0,6	13,20	115.000	100%	1.518.000			
	Ống PVC thoát 90	Ống nhựa thoát nước PVC Ø 90		22	22,00	26.700	100%	587.400			
	Cút 90	Cút PVC Ø 90		4	4,00	18.700	100%	74.800			
	Bê tấm vệt	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		(1,6+3)*2*0,11*0,28	0,28	1.755.000	100%	497.300			
	Trát	Trát tường dày 1,5cm VXM M75		(1,6+3)*2*0,28*2	5,15	92.000	100%	474.000			
	Đáy bê tông sỏi M200	Bê tông nền sỏi, đá 1x2 M200		1,6*3*0,1	0,48	1.449.000	100%	695.500			
	Trụ xây gạch chỉ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50	m3	0,33*0,22*1,4	0,10	1.560.000	100%	158.600			
	Lưới B40	Hàng rào lưới thép B40, cọc tre, nứa, cọc gỗ nhỏ thân tạp (hoàn thiện)	m2	10*1,6	16,00	69.800	100%	1.116.800			
DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ				Diện tích đất ở: 0m²							

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN
DỰ ÁN: KHU ĐU ĐỦ ĐƯỜNG LY THƯỜNG KIỆT (ĐOẠN PHIA ĐƯƠNG THANG LỢI)- NAM TRUNG KHU TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH SÔNG CÔNG -KHU



(Phương án kèm Thông báo số /TB-CNTTPTQĐ ngày tháng năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

SỐ HỌ	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐV	CẤP HẠNG, CHỦNG LOẠI	KHOI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	TỔNG GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8,0)	(9)	(10)	(11)=6x7x10	(12)
	Phạm Thị Nga											
	Cây cối trên thửa đất số:											
	Keo vánh 170 gỗ cao 9 m	Cây keo, Bạch đàn (cây gieo ươm hạt)	Cây trồng từ năm thứ tư trở đi (rừng trồng có trữ lượng)	Cây	1	1	52.494	6,3	6,3	100%	52.500	
		Cây keo, Bạch đàn (cây gieo ươm hạt)	Bồi thường khối lượng gỗ keo, bạch đàn	m3	1,7*1,7/(4*3,14)*9*0,5	1,035	2.000.000	-	-	100%	2.070.900	
	Chè đắng Đk 20cm	Cây chè đắng, vối (Mật độ không quá 4.000 cây/ha)	- Cây cao từ > 2 - 5 m	Đồng/cây	1	1	440.000	2,5	2,5	100%	440.000	
	Sung Đk 40 cm	Cây xanh, si, đa, sung trồng trên đất (bao gồm cả cây được cắt tỉa, tạo thế, dáng) (Mật độ không quá 625 cây/ha)		Cây	1	1	80.000	-	-	100%	80.000	
	Đu đủ có quả	Đu đủ chưa quả (mật độ không quá 2000 khóm/ha)		cây	1	1	50.000	5,0	5,0	100%	350.000	
	La dong	Cây lá dong		Đồng/m2	7	7	15.000	1,0	7,0	100%	105.000	
	Tổng							20,8				

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 219,9 m2
 DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ (S3) = 54,0 m2
 DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 20,8 m2

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG = $\frac{(S1 - S3) \times 2}{S2} = 1599\%$
